TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN S** **TỈNH AN GIANG** Bản án số: 33/2023/DS-ST Ngày 26 - 5 - 2023 V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH AN GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Bé Thi.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hòa.
2. Ông Huỳnh Văn Tý.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Tiểu Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Phương Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện S xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2023/TLST- DS ngày 16 tháng 01 năm 2023 về việc " Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Hợp tác xã nông nghiệp G**;

Địa chỉ: Ấp B, xã G, huyện S, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Bị đơn: Ông **D**, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Ấp Đ, xã M, huyện S, tỉnh An Giang.

(Có mặt ông T, vắng mặt ông D)

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 05-12-2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn – ông T trình bày:***

Từ ngày 04-11-2021 đến ngày 16-3-2022, Hợp tác xã nông nghiệp G có xuất bán nợ hàng hóa là vật tư nông nghiệp gồm phân bón, thuốc bảo vệ thực vật... cho ông D nhiều lần với số tiền là 55.591.000 đồng, hình thức mua bán là ông D nợ đến cuối vụ thì thanh toán. Sau khi kết thúc vụ, ông D không thanh toán số tiền nợ trên, Hợp tác xã nông nghiệp G nhiều lần yêu cầu nhưng ông D không thực hiện và cố tình tránh né cho đến nay.

Do có sai sót trong quá trình soạn đơn khởi kiện nên số tiền yêu cầu ông D trả là 55.991.000 đồng. Nay Hợp tác xã nông nghiệp G khởi kiện yêu cầu ông D trả cho Hợp tác xã nông nghiệp G số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ là 55.591.000 đồng.

Tài liệu, chứng cứ Hợp tác xã nông nghiệp G cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là biên bản đối chiếu công nợ ngày 18-8-2022, bảng kê chi tiết công nợ từ ngày 01-11-2021 đến ngày 16-03-2022.

**** Đối với bị đơn ông D:*** Trong quá trình tố tụng ông D vắng mặt, Tòa án nhân dân huyện S đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời triệu tập ông D tham gia phiên họp hai lần hợp lệ, nhưng ông không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và ông D cũng không có yêu cầu phản tố.

Tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn ông T có mặt; ông D vắng mặt không có lý do.

* **Ý kiến của Kiểm sát viên tham dự phiên tòa**:

- Về tố tụng, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã nông nghiệp G về việc buộc ông D trả cho Hợp tác xã nông nghiệp G

số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ là 55.591.000 đồng; buộc ông D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; đề nghị của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu trả số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ. Bị đơn có nơi cư trú tại xã M huyện S, tỉnh An Giang. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông D đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông D.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Nguyên đơn yêu cầu ông D trả số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ là 55.591.000 (*Năm mươi lăm triệu năm trăm chín mươi mốt nghìn đồng*). Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là bản chính biên bản đối chiếu công nợ ngày 18-8-2022 với nội dung " *...Bên A- bên bán là Hợp tác xã nông nghiệp G...bên B- bên mua là ông D...hai bên cùng tiến hành đối chiếu công nợ như sau:...bên B còn phải thanh toán cho bên A số tiền tổng cộng là 55.591.000, bên B cam kết trả dứt điểm số tiền còn lại trên đến hết ngày 23-8-2022*", biên bản đối chiếu công nợ do đại diện bên A (ông T) và đại diện bên B (ông D) cùng ký tên; ghi rõ họ tên xác nhận. Sau đó, đến hết ngày 23-8-2022 ông D vẫn không thực hiện tất toán số tiền còn nợ cho nguyên đơn cho đến nay; điều này đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên mua trong hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại Điều 430, Điều 440 của Bộ luật Dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3.2] Đối với ông D là bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông D không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp

cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa xét xử, không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của ông, không giao nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh để tự bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 430, Điều 440 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã nông nghiệp G.

1. Buộc ông D trả cho Hợp tác xã nông nghiệp G số tiền 55.591.000 (*Năm mươi lăm triệu năm trăm chín mươi mốt nghìn đồng*).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, Hợp tác xã nông nghiệp G có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền ông D phải trả cho Hợp tác xã nông nghiệp G) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông D phải chịu 2.779.550 đồng (*Hai triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm năm mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Hợp tác xã nông nghiệp G số tiền 1.399.775 đồng (*Một triệu ba trăm chín mươi chín nghìn bảy trăm bảy mươi lăm đồng*) tạm ứng án phí đã

nộp theo biên lai thu số 0011481 ngày 16-01-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh An Giang.

3. Quyền kháng cáo: Hợp tác xã nông nghiệp G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
+ Nguyên đơn;
+ Bị đơn;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Dương Thị Bé Thi